

Bản tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH - KINH TẾ

- ☒ Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
- ☐ Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- ☐ Tin KINH TẾ VIỆT NAM
- ☐ Tin KINH TẾ QUỐC TẾ





NỘI DUNG CHÍNH

Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- Tổng quan thị trường
- Đồ thị một số chỉ báo phổ biến



Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

- Chính sách tiền tệ khó đảo chiều đột ngột
- Giai đoạn tăng trưởng dựa vào số lượng của ngành ngân hàng đã qua!
- Tín dụng Q.II sẽ khởi sắc?

Tin KINH TẾ VIỆT NAM

- Các chuyên gia nói gì về áp lực lạm phát năm nay?
- Tỷ lệ giải ngân vốn ODA của các Bộ, ngành mới chỉ đạt 8,58%

Tin KINH TẾ QUỐC TẾ

- Sức mạnh kinh tế châu Âu ngày càng giảm so với Mỹ
- JPY yếu và giá cả thấp hồi sinh ngành sản xuất ở Nhật

Bảng chỉ số

(Thứ Tư, ngày 22/05/2024)



Chứng khoán

VN - INDEX	1,277.14	↓	-0.03%
HNX - INDEX	243.29	↑	0.30%
DOW JONES INDUS	39,872.99	↑	0.17%
EURO STOXX 50 PR	5,046.99	↓	-0.54%
CSI 300 INDEX	3,676.16	↓	-0.40%

Vàng (SJC cập nhật 08h30)

SJC (Ng.đ/Lượng)	90.900	↑	0.11%
Quốc tế (USD/Oz)	2,421.67	↓	-0.16%

Tỷ giá (USD/VND cập nhật 08h30)

USD/VND (BQ LNH)	24.254	↑	0.01%
DXY	104.62	↑	0.01%
EUR/USD	1.0858		0.00%
USD/JPY	156.20	↓	-0.13%
USD/CNY	7.2376	↑	0.03%

Hàng hóa

Dầu thô WTI (USD/th)	79.26	↓	-0.58%
----------------------	-------	---	--------

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG



- Chỉ số Dollar Index (DXY) tăng 0.06%, đạt mốc 104.62. USD đã tăng giá khi các nhà hoạch định chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cho rằng, FED nên đợi thêm vài tháng nữa để đảm bảo rằng lạm phát thực sự quay trở lại mục tiêu 2% trước khi bắt đầu cắt giảm lãi suất.



- Giá vàng giao ngay giảm 0.15% xuống 2,421.44 USD/Ounce. Giá vàng giảm nhẹ khi USD ổn định, dù vậy, giá vàng vẫn duy trì ở mức 2,400 USD/Ounce nhờ sự hỗ trợ từ sự hứng thú đối với các tài sản trú ẩn an toàn và triển vọng lãi suất Mỹ sẽ giảm trong năm nay.

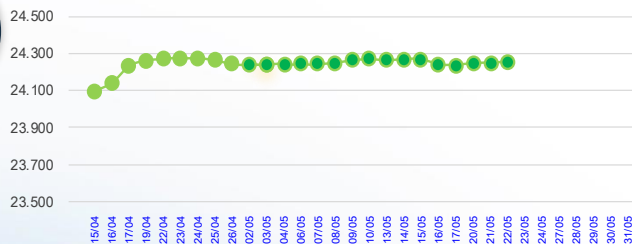


- Giá dầu thô của Mỹ WTI giảm khoảng 1% trong phiên giao dịch ngày 21/5 xuống còn 78.7 USD/thùng vì tình trạng lạm phát kéo dài khiến lãi suất có thể duy trì ở mức trong thời gian dài hơn, ảnh hưởng tiêu cực tới nhu cầu nhiên liệu.

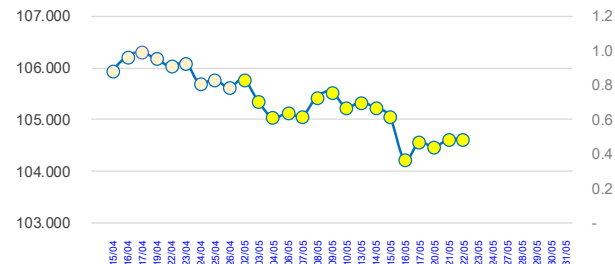
ĐỒ THỊ MỘT SỐ CHỈ BÁO PHỔ BIẾN



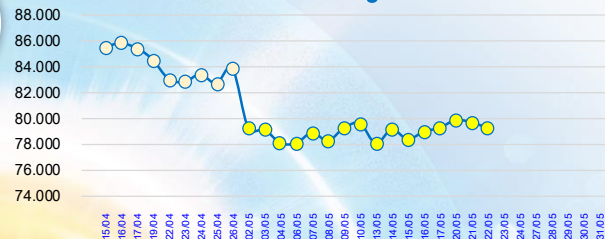
Tỷ giá trung tâm - Tháng 05/2024



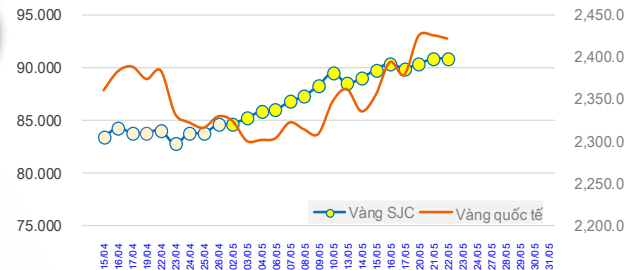
Chỉ số DXY - Tháng 05/2024



Giá dầu thô - Tháng 05/2024



Giá vàng - Tháng 05/2024



Chính sách tiền tệ khó đảo chiều đột ngột



Các ngân hàng (NH) tăng lãi suất (LS) tiền gửi tiết kiệm trong những ngày gần đây, với mức $\uparrow \pm 1\%$ /năm. Dự báo LS huy động của các NH sẽ $\uparrow 0,5-1\%$ /năm trong thời gian từ nay đến cuối năm 2024. Theo PGS.TS Nguyễn Hữu Huân, LS tiết kiệm liên tục dò đáy thời gian qua khiến nguồn gửi vào NH sụt giảm, trong khi tín dụng bắt đầu tăng trưởng dương tạo sức ép tăng LS huy động với các ngân hàng thương mại (NHTM). Tuy nhiên, mặt bằng LS tiền gửi sẽ khó tăng cao ít nhất từ nay đến Q.III/2024, mà mức $\uparrow \# 1\%$ /năm. Áp lực tỷ giá khiến Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải có nhiều động thái để đối phó, thậm chí có thể cân nhắc nâng nhẹ LS. Bên cạnh đó, những bất ổn từ bối cảnh thế giới cũng như sức khỏe của doanh nghiệp (DN) trong nước là những yếu tố mà nhà đầu tư cần quan tâm. CEO WiGroup cho rằng, giai đoạn cao trào nhất của tỷ giá đã đi qua và nhà điều hành có thể sẽ “thắt” nhẹ 1 chút chính sách tiền tệ (CSTT), về cả mặt định tính và định lượng. PGS.TS. Nguyễn Hữu Huân cho rằng, LS tăng sẽ giúp giảm áp lực tỷ giá và việc tăng LS sẽ là xu hướng dài hạn nhưng khả năng CSTT duy trì nới lỏng để hỗ trợ kinh tế (KT). Thông điệp điều hành CSTT được Phó thống đốc Đào Minh Tú chia sẻ, điều hành LS đòi hỏi phải hợp lý, bởi có liên quan tới chính sách tỷ giá. NHNN khẳng định chưa đặt vấn đề điều chỉnh LS, dù tăng hay giảm mà duy trì LS điều hành hiện nay và khuyến khích các tổ chức tín dụng (TCTD) giảm thêm LS cho vay.

Giai đoạn tăng trưởng dựa vào số lượng của ngành ngân hàng đã qua!

SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG NĂM 2023



Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng và tiền gửi ngày càng khó khăn, ngành NH đang đẩy nhanh việc chuyển hướng từ tăng trưởng dựa trên khách hàng mới sang tập trung khai thác sâu hơn vào nhu cầu tài chính của các tệp khách hàng hiện hữu. Động thái này nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và tăng cường mối quan hệ với khách hàng, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Trong bối cảnh KT hiện tại, các NH Việt Nam (VN) đã trải qua 1 giai đoạn tăng trưởng nhanh chóng về số lượng khách hàng, dẫn đến quy mô khách hàng rất lớn nhưng chưa được khai thác hiệu quả. Số liệu thể hiện rằng, mạng lưới khách hàng của các NH đã được mở rộng rất nhanh chỉ trong vòng 5 năm. Tuy nhiên, điều này cũng đồng nghĩa rằng, không gian để tăng trưởng số lượng khách hàng mới sẽ giảm mạnh trong thời gian tới. Sự phát triển của công nghệ dữ liệu lớn và ứng dụng mô hình quản lý quan hệ khách hàng (CRM) hiện đại đã cho phép các NH không chỉ nhanh chóng phân tích hành vi tiêu dùng mà còn dự đoán nhu cầu tài chính tương lai của khách hàng. Trong đó, việc nhận diện chính xác nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng là trọng tâm nhằm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có tính cá nhân hóa cao. Đây là 1 bước tiến quan trọng giúp ngành NH phát triển một cách bền vững và hiệu quả hơn, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mà thị trường ngày càng trở nên cạnh tranh và bão hòa.

Tín dụng Q.II sẽ khởi sắc?

Ngân hàng	Cho vay khách hàng			Tiền gửi của khách hàng		
	31/03/2024	31/12/2023	(+/-)%	31/03/2024	31/12/2023	(+/-)%
LPB	307,687	275,431	11.7	261,994	237,392	10.4
TCB	559,277	518,642	7.8	458,041	454,661	0.7
HDB	363,449	343,404	5.8	378,789	370,778	2.2
NVB	58,376	55,344	5.5	80,160	76,850	4.3
MSB	156,161	149,145	4.7	137,824	132,350	4.1
EIB	147,021	140,449	4.7	160,659	156,329	2.8
ACB	506,112	487,602	3.8	492,804	482,703	2.1
NAB	146,763	141,438	3.8	151,161	145,429	3.9
STB	500,408	482,731	3.7	533,358	510,744	4.4
VAB	71,392	69,059	3.4	88,081	86,695	1.6
KLB	53,393	51,783	3.1	56,239	56,898	(1.2)
VPB	582,691	566,271	2.9	455,817	442,368	3.0
CTG	1,514,398	1,473,345	2.8	1,427,665	1,410,899	1.2
OCB	151,047	147,206	2.6	126,679	125,946	0.6
BID	1,793,930	1,777,665	0.9	1,734,779	1,704,690	1.8
VBB	81,488	80,754	0.9	93,437	89,996	3.8
SSB	181,185	179,752	0.8	154,372	144,840	6.6
MBB	615,317	611,049	0.7	558,826	567,533	(1.5)
BAB	100,543	99,854	0.7	118,125	118,477	(0.3)
VIB	267,709	266,346	0.5	234,211	236,577	(1.0)
SHB	437,667	438,464	(0.2)	444,297	447,503	(0.7)
VCB	1,266,478	1,270,359	(0.3)	1,347,326	1,395,698	(3.5)
PGB	35,186	35,335	(0.4)	37,244	35,730	4.2
SCB	19,740	19,967	(1.1)	23,512	23,557	(0.2)
BVB	57,096	57,768	(1.2)	59,663	57,139	4.4
TPB	200,829	205,262	(2.2)	190,827	208,262	(8.4)
BaoVietBank	39,673	41,399	(4.2)	52,068	52,848	(1.5)
ABB	79,133	98,107	(19.3)	83,524	100,034	(16.5)

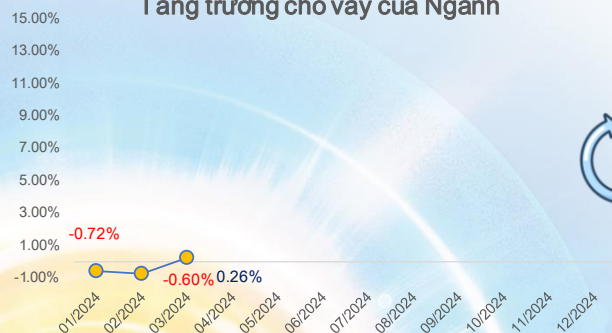
Nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay không chênh lệch nhiều, dẫn đến tỷ lệ tối đa dư nợ cho vay sv tổng tiền gửi (LDR) cũng không thay đổi nhiều. Tuy nhiên, do tín dụng tăng cao hơn huy động, dẫn đến xu hướng chung có 19/28 NH có tỷ lệ LDR tại thời điểm cuối Q.I tăng sv đầu năm. Tính đến 31/3/2024, có 8/28 NH có tỷ lệ LDR <85%, cho thấy các NH này đang cho vay ra thấp, chất lượng tín dụng kém sv vốn huy động được. PGS.TS. Nguyễn Hữu Huân dự báo, tín dụng Q.II chắc chắn sẽ tốt hơn Q.I và đà hồi phục sẽ kéo dài đến Q.IV, dựa trên điều kiện KT thể giới không có yếu tố tiêu cực nào xảy ra bất ngờ. Cơ bản là tín dụng sẽ hồi phục theo tuyến tính và từ từ. PGS.TS. Đinh Trọng Thịnh khẳng định, tín dụng trong Q.II sẽ khởi sắc hơn Q.I, vì trong báo cáo tháng 4 từ NHNN, tín dụng tháng 4 tăng trưởng tốt hơn tháng 3. Tăng trưởng tín dụng đang quay trở lại khi sản xuất kinh doanh (SXKD) tăng trưởng tốt hơn, DN sẽ cần vốn để đáp ứng nhu cầu SXKD. Thứ hai, chỉ đạo của NHNN là các NHTM ngoài cho vay bằng tài sản đảm bảo, còn phải cố gắng để cho vay tín chấp bằng hình thức cho vay dự án, cho vay dòng tiền. Vì vậy, với các DN đã có đơn hàng, có hoạt động SXKD, thì chuyển đi vay theo dự án, dòng tiền hoàn toàn có thể được các NH xem xét. Từ đó, cũng sẽ tăng lên mức độ cho vay của NH đối với các DN trong nền KT.

BIỂU ĐỒ HUY ĐỘNG, CHO VAY, TỶ GIÁ, LÃI SUẤT

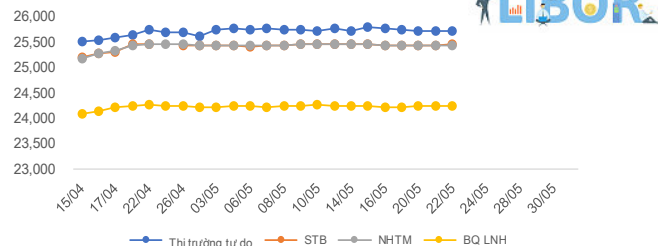
Tăng trưởng huy động của Ngành



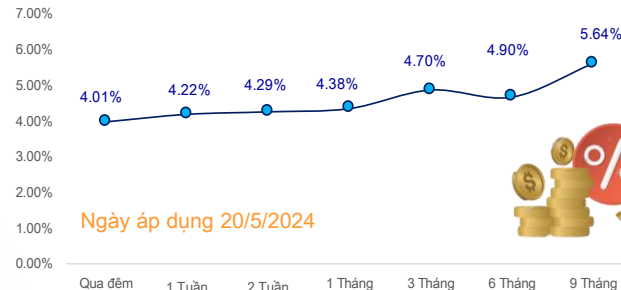
Tăng trưởng cho vay của Ngành



Tỷ giá liên ngân hàng tháng 05/2024



Lãi suất bình quân liên ngân hàng



Ngày áp dụng 20/5/2024



Các chuyên gia nói gì về áp lực lạm phát năm nay?



VEPR đánh giá, dù về mặt tổng thể lạm phát đã được kiểm soát trong mục tiêu của Chính phủ trong 4 tháng đầu năm. Tuy nhiên, áp lực lạm phát đang lớn dần, đòi hỏi các giải pháp kiểm soát giá hàng hóa, dịch vụ. Trong 2023, lạm phát kiểm soát được dưới mục tiêu phần lớn là do KT thế giới suy thoái và KT trong nước không đạt được mục tiêu tăng trưởng KT. Trong Q.I, KT trong nước đã có nhiều điểm sáng về sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và thu hút FDI,... tạo ra kỳ vọng mục tiêu tăng trưởng GDP sẽ đạt, thậm chí vượt mục tiêu (6-6,5%) mà Quốc hội và Chính phủ đề ra. Điều này cũng tạo ra áp lực cho lạm phát 2024. Ở góc nhìn lạc quan hơn, TS.Cần Văn Lực cho rằng, dù có nhiều rủi ro nhưng lạm phát 2024 không quá lo ngại. Bởi trên thực tế, lạm phát trên thế giới đã giảm tương đối nhanh, giá năng lượng, giá lương thực thực phẩm về cơ bản thế giới thích ứng rất tốt, đã và đang kiểm soát rất tốt. “Lạm phát của thế giới được dự báo giảm từ mức 5,7% của năm ngoái xuống 4% của năm nay. Vì vậy nhập khẩu lạm phát của VN là không đáng lo... Năm nay, Chính phủ ưu tiên tăng trưởng và đương nhiên vẫn phải ổn định KT vĩ mô. Vì vậy, không nên quá quan ngại về lạm phát đến mức chúng ta siết chặt. Như thế nó sẽ kìm hãm đà tăng trưởng đang phục hồi tốt của chúng ta năm nay”. Theo TS.Phạm Xuân Hòa, Chính phủ cần tính toán thay đổi về mức lạm phát mục tiêu (4-4,5%) lên mức cao hơn khoảng 5% (trường hợp cần thiết) để tạo dư địa cho CSTT hỗ trợ DN, thúc đẩy tăng trưởng. “Nếu như lạm phát của VN ở mức tăng 5-5,5% mà tăng trưởng GDP ở mức 7-8% thì tốt hơn nhiều lần với mức lạm phát giữ ở mức 4-4,5%”.

Tỷ lệ giải ngân vốn ODA của các Bộ, ngành mới chỉ đạt 8,58%



Tại Hội nghị về giải ngân (GN) vốn đầu tư công từ nguồn vốn nước ngoài các tháng đầu năm 2024 và các biện pháp tăng cường GN 2024, Đại diện Cục Quản lý nợ, Bộ Tài chính cho biết, theo báo cáo của các bộ, ngành trung ương và theo số liệu từ hệ thống TABMIS (hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc), đến hết 15/5 tỷ lệ GN đầu tư công nguồn vốn nước ngoài của các bộ, ngành đạt 8,58% kế hoạch vốn được giao. Trong đó 2 bộ, ngành có tỷ lệ GN trên 10% gồm Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 8 Bộ ngành chưa GN kế hoạch vốn 2024. "Đến hết tháng 6 tỷ lệ GN của các bộ, ngành có thể đạt 15-17%, ở mức trung bình sv cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2021-2023". Thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai nhiều biện pháp quyết liệt GN như đơn đốc chủ đầu tư đăng ký kế hoạch GN theo tháng. Đồng thời, rà soát, kiện toàn ban chỉ đạo để phân công lãnh đạo bộ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo triển khai tại các dự án; tăng cường kiểm tra, giám sát để chỉ đạo, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và GN các dự án. Tuy nhiên, tỷ lệ GN chưa đạt như kỳ vọng xuất phát chủ yếu từ việc không có khối lượng hoàn thành để GN do chậm triển khai giải phóng mặt bằng, tái định cư, chưa hoàn tất ký kết hợp đồng tư vấn thiết kế, chậm trong khâu đấu thầu, ký kết hợp đồng, điều chỉnh thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế kỹ thuật. Bên cạnh đó, dự án thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh hiệp định vay; kế hoạch vốn chưa bám sát tiến độ triển khai của các dự án.

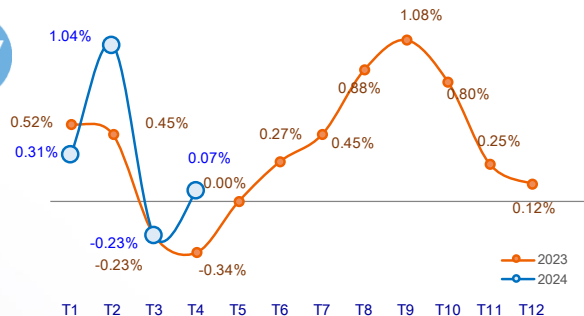
BIỂU ĐỒ MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ



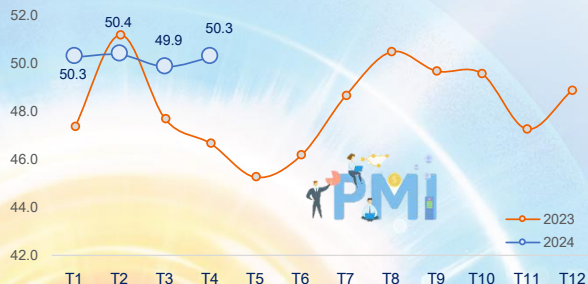
GDP năm 2023 - 2024



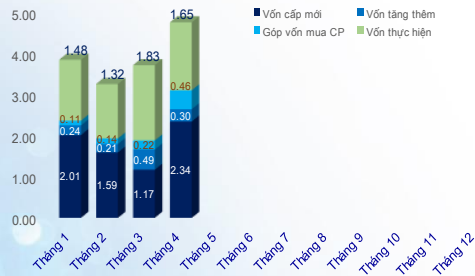
CPI năm 2023-2024



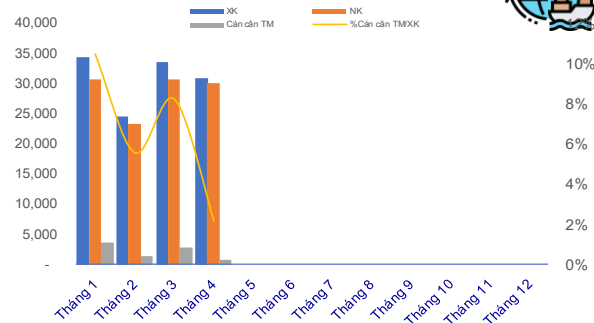
PMI năm 2023 - 2024



Vốn FDI năm 2024



Xuất - Nhập khẩu năm 2024



Sức mạnh kinh tế châu Âu ngày càng giảm so với Mỹ



Các nhà lãnh đạo châu Âu từ lâu đã lo lắng về sự tụt hậu của KT khu vực. Gần đây, mối lo này chiếm vị trí số 1 trong chương trình nghị sự của họ, khi khoảng cách tăng trưởng giữa châu Âu với Mỹ càng trở nên rộng hơn sau 2 cú sốc đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine. Tháng 4/2024, Tổng thống Pháp đã cảnh báo, châu Âu đang đối mặt “mối đe dọa sống còn” từ suy giảm tăng trưởng KT, chủ nghĩa hẹp hòi gia tăng và cuộc chiến tranh ở biên giới phía Đông. Trong khi đó, tăng trưởng GDP của Mỹ đã chứng tỏ được sự vững vàng hơn trước những cú sốc kể trên và hồi phục nhanh hơn. Đến Q.I/2024, GDP của Mỹ ▲8,7% sv mức trước đại dịch, nhiều hơn gấp đôi sv mức ▲3,4% của KT châu Âu và càng vượt xa hơn mức ▲1,7% của KT Anh trong cùng khoảng thời gian. Sự lạc nhịp KT giữa hai bờ Đại Tây Dương đã trở nên rõ rệt đến nỗi dẫn tới rủi ro khác biệt CSTT giữa Mỹ và châu Âu. Với tăng trưởng và lạm phát ở Mỹ cao hơn sv ở châu Âu, giới đầu tư dự báo rằng FED sẽ cắt giảm LS muện hơn và với số lần ít hơn sv ECB trong 2024. Sự kết hợp giữa giá năng lượng cao ở châu Âu (đang cao hơn nhiều sv Mỹ) và những khoản trợ cấp hấp dẫn mà Chính phủ Mỹ dành cho các dự án năng lượng xanh và sản xuất chip ở nước này đang thu hút nhiều công ty châu Âu dịch chuyển hoạt động sang Mỹ.

JPY yếu và giá cả thấp hồi sinh ngành sản xuất ở Nhật



Theo Nikkei Asia, JPY ở mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ đang là 1 trong những nhân tố giúp Nhật hồi sinh ngành sản xuất. Chi phí giảm cũng là 1 nhân tố giúp các DN xuất khẩu Nhật tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Trong các năm tài khóa từ 2022-2023, lạm phát tại Nhật duy trì ở mức #3%. Tuy nhiên, do JPY trượt giá xuống mức thấp nhất 34 năm sv USD, giá cả hàng hóa và dịch vụ khi được mua bằng ngoại tệ ở nước này hiện ở mức thấp nhất sv các nền KT phát triển. Xét về tiền lương theo USD, Nhật hiện đứng thứ 25/38 quốc gia thuộc OECD. Những yếu tố này đang giúp quốc gia châu Á thu hút sự quan tâm của các công ty đang quốc gia có nhu cầu tìm địa điểm có chi phí cạnh tranh để sản xuất. Xu hướng này ngược lại với những năm 1990, khi JPY mạnh thúc đẩy làn sóng dịch chuyển sản xuất ra khỏi Nhật. Tại nhiều nơi ở Nhật, chi phí sản xuất giảm đáng kể là nhân tố thu hút sự quan tâm của DN. Tuy nhiên, 1 nhà KT cấp cao của Viện Nghiên cứu NLI cho rằng, Nhật cần nâng cao năng suất lao động để bù đắp cho tình trạng thiếu lao động. “Dù JPY vẫn đang yếu, các DN Nhật phải đầu tư nhiều hơn và nâng cao giá trị gia tăng, nếu không, họ sẽ khó cải thiện sức cạnh tranh 1 cách bền vững trong tương lai”.

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI – VIỆT NAM

	2024	2024
World Bank	2,4%	2,4%
IMF	3,1%	3,2%
OECD	3,1%	3,2%
UNCTAD		



	2024	2025
World Bank	5,5%	6,0%
ADB	6,0%	6,2%
OECD	5,9%	
IMF	5,8%	6,5%
UOB	6,0%	
HSBC	6,3%	
Standard Chartered Bank	6,0%	
VNDirect		

Cập nhật theo dự báo mới nhất của các tổ chức



WEBSITE THAM KHẢO



Bảng chỉ số

<https://www.hsx.vn/>
<https://hnx.vn/vi-vn/hnx.html>
<https://www.bloomberg.com/markets/stocks>
<https://goldprice.org/vi>
<http://www.sjc.com.vn/>
https://www.sbv.gov.vn/TyGia/faces/TyGia.jspx?_afWindowMode=0&_afLoop=20457854754928577&_adf.ctrl-state=1a9g0kizgf_4

Tin Tài chính - NH

<https://vietstock.vn/2024/05/tin-dung-quy-2-se-khoi-sac-757-1191217.htm>
<https://vietstock.vn/2024/05/giai-doan-tang-truong-dua-vao-so-luong-cua-nganh-ngan-hang-da-qua-757-1191707.htm>
<https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/chinh-sach-tien-te-kho-dao-chieu-dot-ngot-post345525.html>

Tin Kinh tế Việt Nam

<https://vietnambiz.vn/cac-chuyen-gia-noi-gi-ve-ap-luc-lam-phat-nam-nay-2024520181652110.htm>
<https://vietnambiz.vn/ty-le-giai-ngan-von-oda-cua-cac-bo-nganh-moi-chi-dat-858-202452118489909.htm>

Tin Kinh tế quốc tế

<https://vneconomy.vn/suc-manh-kinh-te-chau-au-ngay-cang-giam-so-voi-my.htm>
<https://vneconomy.vn/dong-yen-yeu-va-gia-ca-thap-hoi-sinh-nganh-san-xuat-o-nhat.htm>